

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	
---	---	---

B22.1109/TTQT A22.0483	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 05/01/2023 Trang: 01/01
---	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Không khí khu vực cách ranh giới phía Bắc Nhà máy khoảng 500m (K1). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174330, Y = 422169.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 19/12/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 05:2013/BTNMT
1. Bụi toàn phần mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,070	0,3
2. Bụi PM10 mg/m ³	MASA 501	0,050	-
3. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-30	31,2	-
4. Độ ẩm %	SOP-PQT-30	52,0	-
5. Vận tốc gió m/s	SOP-PQT-30	1,35	-
6. Khí SO ₂ mg/m ³	TCVN 5971:1995	<0,020	0,35
7. Khí NO ₂ mg/m ³	TCVN 6137:2009	<0,010	0,2
8. Khí CO mg/m ³	SOP-PTN-CO	<6,5	30

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.
-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	---	---	---

B22.1110/TTQT A22.0484	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 05/01/2023 Trang: 01/01
---	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Không khí khu vực cách ranh giới phía Tây Nam Nhà máy khoảng 500m (K2). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X=1175230, Y=422818.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 19/12/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 05:2013/BTNMT
1. Bụi toàn phần mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,057	0,3
2. Bụi PM10 mg/m ³	MASA 501	0,040	-
3. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-30	33,2	-
4. Độ ẩm %	SOP-PQT-30	50,2	-
5. Vận tốc gió m/s	SOP-PQT-30	0,55	-
6. Khí SO ₂ mg/m ³	TCVN 5971:1995	<0,020	0,35
7. Khí NO ₂ mg/m ³	TCVN 6137:2009	<0,010	0,2
8. Khí CO mg/m ³	SOP-PTN-CO	<6,5	30

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.
-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC




Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	---	---	---

B22.1108/TTQT A22.0482	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 05/01/2023 Trang: 01/01
---	---	----------------------------------

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Không khí khu vực văn phòng của Nhà máy (K3). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174491, Y = 422323.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 19/12/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 05:2013/BTNMT
1. Bụi toàn phần mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,060	0,3
2. Bụi PM10 mg/m ³	MASA 501	0,040	-
3. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-30	27,6	-
4. Độ ẩm %	SOP-PQT-30	57,9	-
5. Vận tốc gió m/s	SOP-PQT-30	0,77	-
6. Khí SO ₂ mg/m ³	TCVN 5971:1995	<0,020	0,35
7. Khí NO ₂ mg/m ³	TCVN 6137:2009	<0,010	0,2
8. Khí CO mg/m ³	SOP-PTN-CO	<6,5	30

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.
-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

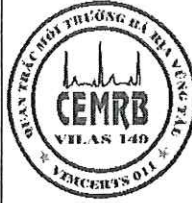


Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	---	---	---

B22.1090/TTQT A22.0420	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 21/12/2022 Trang: 01/01
---	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Không khí khu vực lò luyện thép (K4). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174711, Y = 423063.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 15/12/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 05:2013/BTNMT
1. Bụi toàn phần mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,050	0,3
2. Bụi PM10 mg/m ³	MASA 501	<0,033	-
3. Nhiệt độ °C	TCVN 5508:2009	31,3	-
4. Độ ẩm %	TCVN 5508:2009	60,6	-
5. Vận tốc gió m/s	TCVN 5508:2009	0,31	-
6. Khí SO ₂ mg/m ³	TCVN 5971:1995	<0,020	0,35
7. Khí NO ₂ mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,010	0,2
8. Khí CO mg/m ³	SOP-PTN-CO	<6,5	30

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.
-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P. Thới Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	--	---	---

B22.1091/TTQT A22.0481	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 05/01/2023 Trang: 01/01
---	---	--

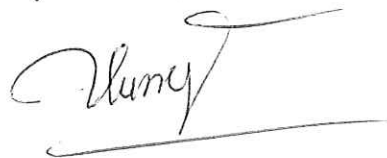
1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Không khí xung quanh khu vực làm tẩy rỉ K5. Toạ độ X = 1174656, Y = 422819.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 15/12/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 05:2013/BTNMT
1. Bụi toàn phần mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,060	0,3
2. Bụi PM10 mg/m ³	MASA 501	<0,033	-
3. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-30	32,0	-
4. Độ ẩm %	SOP-PQT-30	59,4	-
5. Vận tốc gió m/s	SOP-PQT-30	0,42	-
6. Khí SO ₂ mg/m ³	TCVN 5971:1995	<0,020	0,35
7. Khí NO ₂ mg/m ³	TCVN 6137:2009	<0,010	0,2
8. Khí CO mg/m ³	SOP-PTN-CO	<6,5	30
9. Khí HCl* mg/m ³	NIOSH Method 7907	<0,0019	-

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.
- (*) Trích sao kết quả của nhà thầu phụ "Trung tâm Tư vấn Công nghệ môi trường và An toàn vệ sinh lao động".
- : Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC




Lê Tuấn Kiệt

Số : 967-12/22-3.2 / KQPT

Tp.HCM, ngày 24 tháng 12 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Đơn vị yêu cầu : TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

2/ Địa chỉ : Phường Thắng Tam, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

3/ Thời gian nhận mẫu : 17/12/2022

4/ Loại mẫu : Không khí

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	HCl*	NIOSH Method 7907	NIOSH Method 7907	0,0019 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	HCl (mg/m ³)
1. B22.1091 Không khí khu vực tây ri (K5) có tọa độ X: 1174656; Y: 422819	KPH
Quy chuẩn về chất lượng không khí xung quanh (QCVN 06 : 2009/BTNMT)	0,06

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

KPH: Không phát hiện (< MDL)

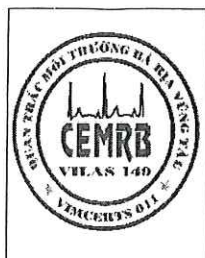
BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Bùi Mạnh Hiệp.

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC



ThS. Thái Sanh Bảo Huy

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	---	---	---

B22.1089/TTQT A22.0419	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 21/12/2022 Trang: 01/01
---	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Không khí khu vực cán nóng (K7). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174491, Y = 422323.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 15/12/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 05:2013/BTNMT
1. Bụi toàn phần mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,067	0,3
2. Bụi PM10 mg/m ³	MASA 501	0,042	-
3. Nhiệt độ °C	TCVN 5508:2009	31,9	-
4. Độ ẩm %	TCVN 5508:2009	60,1	-
5. Vận tốc gió m/s	TCVN 5508:2009	0,37	-
6. Khí SO ₂ mg/m ³	TCVN 5971:1995	<0,020	0,35
7. Khí NO ₂ mg/m ³	TCVN 6137:2009	<0,010	0,2
8. Khí CO mg/m ³	SOP-PTN-CO	<6,5	30

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.

-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC




Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
--	---	--	--

B22.1083-1085/TTQT A22.0479	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 05/01/2023 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: K6 - K8 KK61-KK63
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 14/12/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>		
		K6	K7	K8
1. Bụi toàn phần mg/m ³	TCVN 5067:1995	<0,033	0,060	0,064
2. Bụi PM10 mg/m ³	MASA 501	<0,033	<0,033	0,047
3. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-30	32,1	31,4	30,8
4. Độ ẩm %	SOP-PQT-30	52,6	59,6	58,3
5. Vận tốc gió m/s	SOP-PQT-30	0,26	0,55	0,26
6. Khí SO ₂ mg/m ³	TCVN 5971:1995	<0,020	<0,020	<0,020
7. Khí NO ₂ mg/m ³	TCVN 6137:2009	<0,010	<0,010	0,017
8. Khí CO mg/m ³	SOP-PTN-CO	<6,5	<6,5	<6,5
9. VOCs* mg/m ³	NIOSH Method 1501	<0,008	<0,008	<0,008
10. H ₂ CrO ₄ * mg/m ³	NIOSH Method 7600	<0,003	<0,003	<0,003

***Ghi chú:**

- K6: Không khí khu vực 02 bồn chứa hóa chất (KK61). Tọa độ X = 1174483, Y = 422794.
- K7: Không khí khu vực làm nguội tấm thép (KK62). Tọa độ X = 1174481, Y = 422711.
- K8: Không khí khu vực ống khói bên ngoài xưởng (KK63). Tọa độ X = 1174464, Y = 422762.
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.
- (*) Trung tâm Công nghệ và Quản lý Môi trường.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

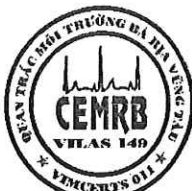


Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VÙNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	 
B22.1092/TTQT B22.0637	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày (Date): 26/12/2022 Trang (Page): 01/02

1. Tên mẫu : Nước thải sau hệ thống xử lý tại công xả nước thải nhà máy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Mỹ Xuân A2. Tọa độ X: 1174679; Y: 422207.
Sample Name
2. Ngày nhận mẫu : 15/12/2022.
Date of receive sample
3. Khách hàng : Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Viet Nam JSC (CSVC).
Customer
4. Kết quả thử nghiệm :
Test result

Tên chỉ tiêu <i>Name of analysis norm</i>		Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
1. Niken (Ni)*	mg/l	USEPA Method 3015A & SMEWW 3120 B:2017	KPH (<0,050)
2. Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	TCVN 5988:1995	KPH (<1,00)
3. Chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/l	TCVN 6625:2000	KPH (<7,0)
4. BOD ₅ (ở 20 ⁰ C)*	mg/l	TCVN 6001-1:2008	KPH (<3,0)
5. Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	TCVN 6494-1:2011	5,0
6. Cr ⁶⁺	mg/l	TCVN 6658:2000	KPH (<0,010)
7. Cr ³⁺	mg/l	Tham khảo TCVN 6658:2000-SMEWW 3120B:2017	KPH (<0,050)
8. COD*	mg/l	SMEWW 5220D:2017	KPH (<30)
9. T - Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2:2020	43 x 10 ¹
10. E.coli	MPN/100ml	TCVN 6187-2:2020	40
11. Tổng Nitơ (T-N)*	mg/l	TCVN 6638:2000	KPH (<10,0)
12. Tổng photpho (T-P)*	mg/l	TCVN 6202:2008	KPH (<0,020)
13. Cadimi (Cd)*	mg/l	ASTM-D3557:17	KPH (<0,0023)
14. Crom (Cr)*	mg/l	USEPA Method 3015A & SMEWW 3120 B:2017	KPH (<0,050)
15. Kẽm (Zn)*	mg/l	USEPA Method 3015A & SMEWW 3120 B:2017	KPH (<0,050)
16. Đồng (Cu)*	mg/l	USEPA Method 3015A & SMEWW 3120 B:2017	KPH (<0,050)
17. Tổng dầu, mỡ*	mg/l	SMEWW 5520B:2017	KPH (<0,3)
18. Oxi hòa tan (DO)	mg/l	TCVN 12026:2018	4,8
19. pH		TCVN 6492:2011	5,7

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm phân tích mẫu./ *Test result(s) only are valid at the time the samples are analyzed.*

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	 
B22.1092/TTQT B22.0637	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày (Date): 26/12/2022 Trang (Page): 02/02

Tên chỉ tiêu <i>Name of analysis norm</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
20. Độ đục NTU	TCVN 6184 : 2008	1,34
21. Nhiệt độ °C	SMEWW 2550B:2017	32,1
22. Chì (Pb)* mg/l	ASTM-D3559:15	KPH (<0,0100)

Ghi chú: Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 09h15.

(*): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149.

KPH: Không phát hiện.

Mẫu được lấy theo Hợp đồng 21P1O00007 ngày 01/04/2021.

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH


Nguyễn Thị Lệ Hằng

GIÁM ĐỐC

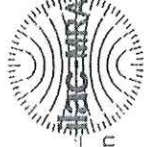


Lê Tuấn Kiệt



Trung Tâm Công Nghệ & Quản Lý Môi Trường

Lô T2-6, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM - Tel: (84.28) 3733 2121 - Fax: (84.28) 3733 2126 - www.etmcenter.com.vn



VIMCERTS
052

VILAS 327

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

MS2212.1694/6-8

Đơn vị yêu cầu : **TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Nơi lấy mẫu : **CÔNG TY CỔ PHẦN CHINA STEEL AND NIPPON STEEL VIỆT NAM**
Địa chỉ : KCN Mỹ Xuân A2, P. Mỹ Xuân, Tx. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Ngày đo đạc và lấy mẫu : 14/12/2022
Cán bộ đo đạc và lấy mẫu : Hoàng Hải – Việt Thắng

Stt	Vị trí đo đạc	H ₂ CrO ₄ (mg/m ³)	VOCs (mg/m ³)
1	Khu vực 2 bồn chứa hóa chất	KPH (LOD = 0,003)	KPH (LOD = 0,008)
2	Khu vực làm nguội tấm thép	KPH (LOD = 0,003)	KPH (LOD = 0,008)
3	Khu vực ống khói bên ngoài xưởng	KPH (LOD = 0,003)	KPH (LOD = 0,008)
Phương pháp đo đạc/phân tích		NIOSH 7600	NIOSH 1501

KPH: không phát hiện; LOD: giới hạn phát hiện.

Phụ trách phòng phân tích

Đỗ Lâm Như Ý

Ngày 22 tháng 12 năm 2022

Phụ Giám đốc



Nguyễn Thị Bích Thủy

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	
B22.1095/TTQT B22.0654	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày (Date): 28/12/2022 Trang (Page): 01/01

1. Tên mẫu : Mẫu đất tại đường giao thông cách cổng nhà máy 20-50m.
Sample Name
2. Ngày nhận mẫu : 15/12/2022.
Date of receive sample
3. Khách hàng : Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam JSC
Customer (CSVC).
4. Kết quả thử nghiệm :
Test result

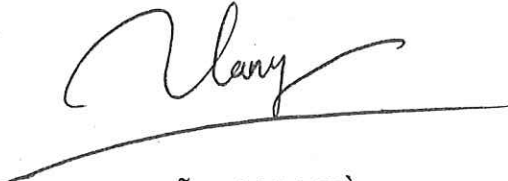
Tên chỉ tiêu Name of analysis norm	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
1. Chì (Pb) mg/kg chất khô	US EPA Method 3051A VÀ US EPA Method 200.7	17,6
2. Kẽm (Zn) mg/kg chất khô	US EPA Method 3051A VÀ US EPA Method 200.7	14,8
3. Crom (Cr) mg/kg chất khô	US EPA Method 3051A VÀ US EPA Method 200.7	27,6
4. Tổng dầu* mg/kg chất khô	US EPA Method 9071B	KPH (LOD=9,6)

Ghi chú: Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 12h10.

(*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.

Mẫu được lấy theo Hợp đồng 21P1O00007 ngày 01/04/2021.

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH


Nguyễn Thị Lệ Hằng

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	 
B22.1096/TTQT B22.0655	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày (Date): 28/12/2022 Trang (Page): 01/01

1. Tên mẫu : Mẫu đất tại ven mương dẫn nước thải từ nhà máy đến trạm xử lý nước thải của KCN Mỹ Xuân A2.
Sample Name
2. Ngày nhận mẫu : 15/12/2022.
Date of receive sample
3. Khách hàng : Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Viet Nam JSC (CSVC).
Customer
4. Kết quả thử nghiệm :
Test result

Tên chỉ tiêu Name of analysis norm		Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
1. Chì (Pb)	mg/kg chất khô	US EPA Method 3051A VÀ US EPA Method 200.7	KPH (<9,0)
2. Crom (Cr)	mg/kg chất khô	US EPA Method 3051A VÀ US EPA Method 200.7	10,4
3. Kẽm (Zn)	mg/kg chất khô	US EPA Method 3051A VÀ US EPA Method 200.7	20,0
4. Tổng dầu*	mg/kg chất khô	US EPA Method 9071B	KPH (LOD=9,6)

Ghi chú: Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 09h10.

(*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.

KPH: Không phát hiện.

Mẫu được lấy theo Hợp đồng 21P1O00007 ngày 01/04/2021.

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Lệ Hằng



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	 
B22.1093/TTQT B22.0638	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày (Date): 26/12/2022 Trang (Page): 01/01

1. Tên mẫu : Nước mặt tại Cầu Rạch Trái, cách 500m về phía thượng nguồn so với điểm xả nước làm mát của nhà máy vào rạch (NM1). Tọa độ X: 01174643; Y: 00422140.
Sample Name
2. Ngày nhận mẫu : 15/12/2022.
Date of receive sample
3. Khách hàng : Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Viet Nam JSC (CSVC).
Customer
4. Kết quả thử nghiệm :
Test result

Tên chỉ tiêu Name of analysis norm	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
1. Nhiệt độ °C	SMEWW 2550B:2017	32,7
2. Độ đục NTU	TCVN 6184 : 2008	26,2
3. Chất rắn lơ lửng (TSS)* mg/l	TCVN 6625:2000	127
4. Clorua (Cl ⁻)* mg/l	TCVN 6194:1996	483

Ghi chú: Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 11h50.
(*): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149.
Mẫu được lấy theo Hợp đồng 21P1O00007 ngày 01/04/2021.

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC


Nguyễn Thị Lệ Hằng



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	
B22.1094/TTQT B22.0639	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày (Date): 26/12/2022 Trang (Page): 01/01

1. Tên mẫu : Nước mặt sông Thị Vải, cách 100m về phía hạ nguồn so với điểm đổ nước làm mát của nhà máy vào sông (NM2). Tọa độ X: 1174629; Y: 422100.
Sample Name
2. Ngày nhận mẫu : 15/12/2022.
Date of receive sample
3. Khách hàng : Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Viet Nam JSC (CSVC).
Customer
4. Kết quả thử nghiệm :
Test result

Tên chỉ tiêu Name of analysis norm		Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
1. Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	33,1
2. Độ đục	NTU	TCVN 6184 : 2008	27,6
3. Chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/l	TCVN 6625:2000	125
4. Clorua (Cl ⁻)*	mg/l	TCVN 6194:1996	474

Ghi chú: Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 12h10.
(*): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149.
Mẫu được lấy theo Hợp đồng 21P1O00007 ngày 01/04/2021.

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH


Nguyễn Thị Lệ Hằng

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sạch, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
--	---	--	--

B22.1111-1113/TTQT A22.0485	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 05/01/2023 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: K4 – K6. ON1-NO3
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 19/12/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>		
		K4	K5	K6
1. Tiếng ồn dBA	TCVN 7878:2018	53,2	50,0	53,2
2. Tiếng ồn (max) dBA	TCVN 7878:2018	79,1	68,2	75,2
3. Tiếng ồn (min) dBA	TCVN 7878:2018	44,0	40,2	39,7

***Ghi chú:**

- K4: Tiếng ồn tại khu vực Administration Office ADM (**ON1**).
- K5: Tiếng ồn khu dân cư, cách hàng rào Nhà máy 400 - 500m về phía Đông Bắc (**ON2**). Vị trí lấy mẫu có tọa độ $X = 1174378$, $Y = 423197$.
- K6: Tiếng ồn khu dân cư, cách hàng rào Nhà máy 500m về phía Đông Nam (**ON3**). Vị trí lấy mẫu có tọa độ $X = 1175230$, $Y = 422818$.
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC

Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	---	---	---

B22.1086 - 1088/TTQT A22.0480	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 05/01/2023 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: K7 - K9. O1-O3
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 14/12/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>		
		K7	K8	K9
1. Tiếng ồn dBA	TCVN 7878:2018	72,2	84,6	84,2
2. Tiếng ồn (max) dBA	TCVN 7878:2018	76,1	92,6	102,0
3. Tiếng ồn (min) dBA	TCVN 7878:2018	68,0	76,0	78,1

***Ghi chú:**

- K7: Tiếng ồn tại khu vực tráng phủ ACL01 (O1). Tọa độ X: 11737781, Y: 422711.
- K8: Tiếng ồn tại khu vực tráng phủ ACL02 (O2). Tọa độ X: 1174485, Y: 422781.
- K9: Tiếng ồn tại khu vực tráng phủ ACL03 (O3). Tọa độ X: 1174483, Y: 422794.
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

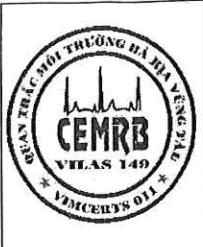


Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
B22.1078 - 1080/TTQT A22.0477	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT		Ngày: 05/01/2023 Trang: 01/01

1. Vị trí đo : K1 – K3 **PL-01; PL-02; PL-03**
Measurement Location
2. Ngày đo : 14/12/2022
Date of measurement
3. Khách hàng : Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
Customer
4. Kết quả đo :
Measurement result

Tên chỉ tiêu Name of measurement norm	Thiết bị đo/Phương pháp Methods/Equipment for measurement	Kết quả Result			QCVN 51:2017/ BTNMT
		K1	K2	K3	
1. Bụi tổng mg/Nm ³	EPA Method 5	<10	<10	<10	200
2. Lưu lượng m ³ /h	SOP-PQT-KT06	22.795	12.136	875.913	-
3. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	39,3	<2,6	5,2	500
4. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,9	<1,9	<1,9	850
5. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	33,1	<1,1	<1,1	1000
6. Khí HCl* mg/Nm ³	US EPA Method 26A	<1	<1	<1	-
7. Khí Cl ₂ * mg/Nm ³	US EPA Method 26A	1,2	0,8	1,2	-

***Ghi chú:**

- **K1:** Khí thải trong lòng ống khói khí thải của Xưởng sản xuất thép cuộn tẩy gỉ (PLTCM) **PL-01**. Tọa độ X=1174700, Y= 432071.
- **K2:** Khí thải trong lòng ống khói khí thải của Xưởng sản xuất thép cuộn tẩy gỉ (PLTCM) **PL-02**. Tọa độ X=1174788, Y= 432065.
- **K3:** Khí thải trong lòng ống khói khí thải của Xưởng sản xuất thép cuộn tẩy gỉ (PLTCM) **PL-03**. Tọa độ X=1174546, Y= 422970.
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.
- (*) Trung tâm Công nghệ và Quản lý Môi trường.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG


Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	---	---	---

B22.1097/TTQT A22.0421	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 21/12/2022 Trang: 01/01
---	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại xưởng sản xuất thép cuộn mạ kẽm (CGL01).
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 15/12/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 05	<10	200
2. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-KT06	321,6	-
3. Lưu lượng m ³ /h	SOP-PQT-KT06	79.992	-
4. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	34,1	500
5. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	124,6	850
6. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	59,3	1000

***Ghi chú:**
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.
-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

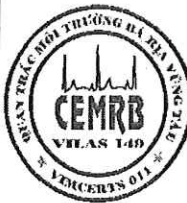


Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC




Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	--	---	---

B22.1098/TTQT A22.0422	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 21/12/2022 Trang: 01/01
---	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại xưởng sản xuất thép cuộn mạ kẽm (CGL02).
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 15/12/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 05	<10	200
2. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-KT06	46,0	-
3. Lưu lượng m ³ /h	SOP-PQT-KT06	21.195	-
4. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<2,6	500
5. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,9	850
6. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,1	1000

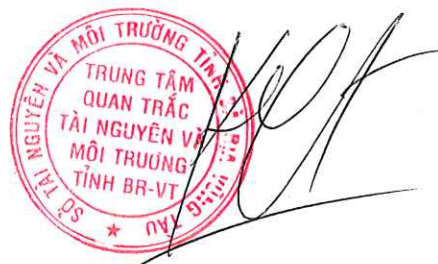
***Ghi chú:**
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.
-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		 VILAS 149
---	--	---	---

B22.1099/TTQT A22.0423	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 21/12/2022 Trang: 01/01
---	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại xưởng sản xuất thép cuộn mạ kẽm (CGL03).
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 15/12/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 05	<10	200
2. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-KT06	43,4	-
3. Lưu lượng m ³ /h	SOP-PQT-KT06	13.682	-
4. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	2,6	500
5. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	2,6	850
6. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	1,1	1000

***Ghi chú:**
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.
-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	---	---	---

B22.1100/TTQT A22.0424	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 21/12/2022 Trang: 01/01
---	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói ống khói khu vực QA/QC. QA-01
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 15/12/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 05	<10	200
2. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-KT06	36,6	-
3. Lưu lượng m ³ /h	SOP-PQT-KT06	5.636	-
4. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<2,6	500
5. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,9	850
6. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,1	1000

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.
- . Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC



	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	---	---	---

B22.1116/TTQT A22.0488	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 05/01/2023 Trang: 01/01
---	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói lò hơi BOI-02. Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174616, Y = 422923.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 19/12/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017 /BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 05	<10	200
2. Lưu lượng m ³ /h	SOP-PQT-KT06	28,861	-
3. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-KT06	97,8	-
4. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<2,6	500
5. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	87,2	850
6. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	3,4	1000

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
--	---	--	--

B22.1114/TTQT A22.0486	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 05/01/2023 Trang: 01/01
---	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại khu vực sản xuất thép điện từ (ACL01). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174459, Y = 422844.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 19/12/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 05	<10	200
2. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-KT06	39,5	-
3. Lưu lượng m ³ /h	SOP-PQT-KT06	6.727	-
4. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	36,7	500
5. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,9	850
6. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,1	1000

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.

-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG Nguyễn Thị Hằng	GIÁM ĐỐC Lê Tuấn Kiệt
---	---

Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm quan trắc Tài nguyên và môi trường. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm và vị trí đo như đã nêu ở trên.
This Environment Monitoring Report shall not be reproduced except in full, without the written of Center of Environmental Monitoring and Resources. This result is only going to have value in time and location of measurement as reminding above.

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sạch, P. Thới Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	--	---	---

B22.1115/TTQT A22.0487	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 05/01/2023 Trang: 01/01
---	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại khu vực sản xuất thép điện từ (ACL02). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174465, Y = 422748.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 19/12/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 05	<10	200
2. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-KT06	97,4	-
3. Lưu lượng m ³ /h	SOP-PQT-KT06	20.674	-
4. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<2,6	500
5. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	164,5	850
6. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,1	1000

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.
- : Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC




Lê Tuấn Kiệt